

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HS-ST
Ngày: 07/10/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thật.
2. Bà Lê Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Thu T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 1996 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 995/80/78C, đường H, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 1041/62/160/1 T, khu phố 5, phường T1, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Chí D (đã chết) và bà Võ Thu N; bị cáo có chồng là Trần Phương Q; có 04 người con: lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017, hiện đang mang thai; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 08/5/2014, bị Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 53/2014/HSST, chấp hành xong ngày 10/6/2015; Ngày 03/12/2015 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo bản án số 198/2015/HSST; Ngày 17/8/2016, bị Tòa án nhân dân quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 108/2016/HSST. Tổng hợp hình phạt với bản án số 198/2015/HSST ngày 03/12/2015 của Tòa án nhân dân quận B buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 26 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2018; nhân thân: 01/8/2011, bị Công an phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 29/3/2019, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận 2, thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 31/01/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/01/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Dương Mộng M, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Lương, xã Phú Hữu, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/01/2019 trong lúc đi chơi cùng với anh Dương Quang S, sinh năm 1992 ngụ tại số 35/21/6/7 đường Huỳnh Tấn Phát, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thì Võ Thu T, sinh năm 1996 ngụ tại số 995/80/78C, đường Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh nói anh S tìm đến cửa hàng quần áo để mua quần áo. Anh S điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario (chưa đăng ký biển số xe) chở T đến cửa hàng quần áo Mỹ Như thuộc ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai do chị Nguyễn Dương Mộng M, sinh năm 1999 làm chủ để mua quần áo. Khi đến nơi, anh S đứng bên ngoài cửa hàng, còn Trang đi vào trong. Khi vào cửa hàng quần áo thì T thấy có một chiếc ví của chị M để trên võng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong ví của chị M. T giả vờ hỏi mua quần áo, lợi dụng lúc chị M đi lấy quần áo cho T thử, Trang lén đến mở ví của chị M lấy số tiền 2.520.000 đồng cất giấu vào trong người. Sau đó, Trang lấy lý do không mua đồ nữa để ra về. Khi T vừa ra khỏi cửa hàng thì chị M phát hiện mất tiền nên đuổi theo và bắt giữ T cùng tang vật giao cho công an xã Đ, huyện N lập biên bản phạm tội quả tang và chuyển hồ sơ đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Tang vật vụ án gồm:

- Số tiền 2.520.000 đồng (hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) đã trả lại cho chủ sở hữu - chị Nguyễn Dương Mộng M.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vario đã trả cho chủ sở hữu - bà Nguyễn Thị Thu N.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình, tuy nhiên không thừa nhận số tiền đã chiếm đoạt là 2.520.000 đồng, bị cáo khai chỉ chiếm đoạt số tiền 1.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 78/CT.VKS-NT ngày 03/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Võ Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho chị Nguyễn Dương Mộng M, chị M không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vario qua xác minh là tài sản của bà Nguyễn Thị Thu N (mẹ ruột của anh S) mua tại công ty TNHH công nghiệp cao su H, việc S sử dụng xe chở T đi bà N không biết nên cơ quan điều tra trả lại cho N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại cơ quan điều tra bị cáo Võ Thu T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo T không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 2.520.000 đồng. Bị cáo khai chỉ chiếm đoạt số tiền khoảng 1.800.000 đồng. Bị cáo thừa nhận lời khai của mình tại cơ quan điều tra không bị ai ép cung, nhục hình. Bị cáo cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký của mình tại các biên bản lấy lời khai của cơ quan điều tra và tại biên bản phạm tội quả tang. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 25/01/2019 Võ Thu T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.520.000 đồng của chị Nguyễn Dương Mộng M, sau đó bị phát hiện và bắt quả tang. Như vậy, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra.

Bị cáo T đã có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội. Như vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, đang nuôi 04 con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, chị M không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vario qua xác minh là tài sản của bà Nguyễn Thị Thu N (mẹ ruột của S) mua tại công ty TNHH công nghiệp cao su H, việc S sử dụng xe chở T đi bà N không biết nên cơ quan điều tra trả lại cho N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Đối với anh Dương Quang S là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo T: Do anh S không biết và không tham gia vào việc bị cáo T trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Thu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 31/01/2019

3. Về án phí: Buộc bị cáo Võ Thu T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang